

(Kèm theo Quyết định số **2316**/QĐ-UBND ngày **24**/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

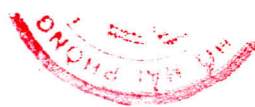
[illegible]

[illegible]

Biểu số 04: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (tiếp)
(Kèm theo Quyết định số **2316**/QĐ-UBND ngày **27/6/2025** của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Xã Tân Liên	Xã Tiên Phong	Xã Thắng Thủy	Xã Trần Dương	Xã Trung Lập	Xã Việt Tiến	Xã Vĩnh An	Xã Vĩnh Hải	Xã Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(24)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP											
1.1	Đất trồng lúa	LUA											
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC											
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK											
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK											
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN											
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS											
1.5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT											
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH											
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4,67		0,90								
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT											
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC											
2.4	Đất quốc phòng	CQP											
2.5	Đất an ninh	CAN											
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN											
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH											
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH											
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT											
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD											
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT											
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,83										
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	1,41										
2.7.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,42										
2.7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC											
2.7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											



[illegible]